

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2019/DS-ST

Ngày: 25/9/2019

V/v: Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 313/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3384/2019/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3881/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (ABANK).

Địa chỉ: 442 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 444 đường C, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 (Văn bản ủy quyền số: 294/UQ-QLN.18 ngày 28 tháng 09 năm 2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: A18 Bis đường Q, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2018, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A có ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP A (Sau đây gọi tắt là ABANK) và ông Nguyễn Ngọc B ký Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016 chi tiết như sau: Số tiền vay: 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại ABANK, chi tiết như sau: Tên tài khoản: Nguyễn Ngọc B, số tài khoản tiền gửi: 215057739. Thời hạn vay: 26 (Hai mươi sáu) tháng kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Mục đích vay: UIL - Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - Tiêu dùng. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: 12%/năm (Tính theo số tiền vay ban đầu). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn ông Nguyễn Ngọc B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 02 tháng 8 năm 2017, ABANK đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay chưa thanh toán của ông B tại ABANK.

Tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019, ông B còn nợ ABANK tổng số tiền: 53.459.238 (Năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng, gồm:

Vốn gốc: 35.994.000 đồng.

Lãi trong hạn: 3.630.000 đồng.

Lãi quá hạn: 13.835.238 đồng.

ABANK tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

ABANK yêu cầu ông Nguyễn Ngọc B trả toàn bộ số dư nợ còn thiếu nêu trên tạm tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo thứ tự: Vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc B phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016 kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2019 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23 tháng 9 năm 2019, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chủ bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc B trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016. Đây là vụ án dân sự do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại Quận 1 nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23 tháng 9 năm 2019, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Ông Nguyễn Ngọc B có ký Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP A. Cùng ngày, ngân hàng TMCP A đã giải ngân số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng cho ông B, với mục đích UIL- Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - Tiêu dùng. Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Ngọc B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 02 tháng 8 năm 2017, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay chưa thanh toán của ông B tại ABANK.

Xét việc ông Nguyễn Ngọc B ký Hợp đồng tín dụng trả góp tại Ngân hàng TMCP A là hoàn toàn tự nguyện, ông Nguyễn Ngọc B là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và ông B đã được giải ngân số tiền vay đúng như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn gốc còn lại là 35.994.000 (Ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn) đồng cho Ngân hàng TMCP A nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Xét thấy, Ngân hàng TMCP A đã giải ngân cho ông Nguyễn Ngọc B theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016. Ông B đã nhận đủ số tiền được giải ngân nhưng mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2017 đến nay.

Căn cứ Điều 2, Điều 5, Điều 6 Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy việc Ngân hàng TMCP A yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền ông B đã sử dụng dịch vụ thấu chi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù bị đơn ông Nguyễn Ngọc B đã được giải ngân theo đúng Hợp đồng đã ký và nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02 tháng 8 năm 2017 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc B phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền ông B còn thiếu Ngân hàng TMCP A tạm tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019 là: 53.459.238 (Năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng, gồm: Vốn gốc: 35.994.000 đồng. Lãi trong hạn: 3.630.000 đồng. Lãi quá hạn: 13.835.238 đồng.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Ngọc B còn phải trả cho Ngân hàng TMCP A khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp đã ký kết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A: Buộc ông Nguyễn Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: KHH.CN.354.200416 (Số tài khoản vay 215062739) ngày 20 tháng 4 năm 2016 là: 53.459.238 (Năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng, gồm: Vốn gốc: 35.994.000 đồng. Lãi trong hạn: 3.630.000 đồng. Lãi quá hạn: 13.835.238 đồng (Tạm tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2019).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Ngọc B còn phải trả cho Ngân hàng TMCP A khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp đã ký kết.

2. Đình chỉ yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với số tiền phạt chậm trả 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí là: 2.672.961 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.190.458 (Một triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0023737 ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Diệu Linh